

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2024

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị M

2. Ông Nguyễn Việt Anh

Thư ký phiên tòa:

Ông Trần Hải M

- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 333/2024/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Phương D, sinh năm 1996;

Nơi thường trú: Xóm 14 XH, XT, Nam Định (có mặt)

Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1995;

Nơi thường trú: Xóm 14 XH, XT, Nam Định (vắng mặt)

Hiện cùng tạm trú: Số 4 ngách 111 ngõ 169 đường HM, phường HVT, quận HM, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện gửi cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Phương D trình bày:**

- **Về tình cảm:** Chị Phạm Thị Phương D và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định vào ngày 03/4/2014.

Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì đến tháng 01/2024 phát sinh mâu thuẫn. Từ đó vợ chồng bắt đầu cãi vã, cuộc sống gia đình rơi vào tình trạng căng thẳng, ảnh hưởng đến công việc của hai bên rất nhiều. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn nhưng nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nguyên nhân là: trong thời gian chung sống, chị phát hiện anh T có tham gia đánh bài bạc và làm hao tổn lớn đến tài chính gia đình, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn để tiếp tục duy trì hạnh phúc nhưng anh T không hề thay đổi. Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống của cả hai.

- **Về con chung:** Chị D xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Hoàng M, sinh ngày 04/03/2014 và chú Vũ Chí K, sinh ngày 31/01/2023. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** chị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ chung:** chị D xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** chị D tự nguyện nộp án phí ly hôn theo quy định.

*** Bị đơn là anh Vũ Văn T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không có lời khai của anh T.**

Tại phiên tòa: chị Phạm Thị Phương D vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Vũ Văn T. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn đoàn tụ được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị D xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Hoàng M, sinh ngày 04/03/2014 và chú Vũ Chí K, sinh ngày 31/01/2023. Sau khi ly hôn chị D muốn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Chí K, giao cháu Vũ Hoàng M cho anh Vũ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc để anh cũng phải có trách nhiệm với con chung. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nhà ở chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: chị D xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Chị D và anh T có phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Vũ Chí K cho chị D trực tiếp chăm sóc, giao cháu Vũ Hoàng M cho anh Vũ Văn T trực tiếp chăm sóc. Cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nhà ở chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về các khoản nợ chung: chị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng:** chị Phạm Thị Phương D xin ly hôn với anh Vũ Văn T, chị D và anh T hiện trú tại số 4 ngách 111 ngõ 169 đường HM, HVT, quận HM, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Văn T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng anh T không lên Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có ý kiến gửi Tòa án. Anh T đã tự từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ để phản đối yêu cầu của chị D. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Vũ Văn T.

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Phạm Thị Phương D và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định vào ngày 03/4/2014. Do vậy, hôn nhân là hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị D và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau, Tòa án tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không lên Tòa án để làm việc, cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của chị D, chứng tỏ anh T không có thiện chí để cải

thiện mối quan hệ vợ chồng, không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Phương D.

*** Về con chung:** Chị D xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Hoàng M, sinh ngày 04/03/2014 và chú Vũ Chí K, sinh ngày 31/01/2023. Quá trình giải quyết vụ án, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên toà, chị D trình bày: vợ chồng chị đã thống nhất cùng nuôi con chung, chị D sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Chí Kiến, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Hoàng M. Xét thấy: cháu Vũ Chí K còn nhỏ, hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, chị D có thu nhập ổn định nên theo quy định tại khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cháu K sẽ cho chị D trực tiếp chăm sóc. Đối với cháu Vũ Hoàng M, mặc dù quá trình giải quyết vụ án, anh T không trình bày về nguyện vọng nuôi con, không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ về thu nhập. Tuy nhiên, tại phiên toà, chị D có ý kiến muốn anh T cũng phải có trách nhiệm nuôi con, qua xác M tại địa phương, anh T và chị D vẫn sống chung cùng các con, để đảm bảo quyền được làm cha, làm mẹ của anh, chị, Hội đồng xét xử chấp nhận với yêu cầu của chị D, giao cháu Vũ Hoàng M cho anh T trực tiếp chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung:** chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*** Về các khoản nợ chung:** chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*** Về án phí:** Chị D phải nộp 300.000 đồng án phí LHST theo quy định của pháp luật.

*** Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,56 và điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ vào điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Phương D. Chị Phạm Thị Phương D được ly hôn với anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Hoàng M, sinh ngày 04/03/2014 cho anh Vũ Văn T trực tiếp chăm sóc, giao cháu Vũ Chí K, sinh ngày 31/01/2023 cho mẹ là chị Phạm Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày xét xử cho đến khi các con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị D không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về các khoản nợ chung: Chị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Dành quyền khởi kiện vụ án khác về phần tài sản chung và nợ chung cho anh Vũ Văn T khi có yêu cầu.

6. Về án phí: Chị Phạm Thị Phương D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp tại biên lai số AA/2024/0033780 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hoàng Mai; TP Hà Nội
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hoàng Mai; TP Hà Nội

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân xã Xuân Hồng, quận Hai, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

